

ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI

TS NGUYỄN DŨNG ANH*

Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta luôn xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Từ Đại hội VI (tháng 12 - 1986) đến Đại hội XII (tháng 1 - 2016) là quá trình sáng tạo, hoàn thiện của Đảng ta về phát triển kinh tế trên nhiều phương diện.

1. Những điểm nhấn quan trọng của quá trình đổi mới phát triển kinh tế

* *Đổi mới tư duy về kinh tế*

Quá trình đổi mới nền kinh tế ở nước ta có đặc điểm nổi bật là chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), với nội hàm quan trọng nhất là phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa với nhiều thành phần kinh tế. Nhu cầu đổi mới đó bắt nguồn từ thực trạng nền kinh tế, từ khát vọng nội tại của nhân dân, cùng với tư duy kinh tế mới của Đảng. Sự chuyển đổi sang mô hình kinh tế mới ở nước ta trong ba thập kỷ qua đã đem lại những biến đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế - xã hội theo hướng ngày càng tiến bộ, đúng quy luật và hội nhập ngày càng hiệu quả hơn vào nền kinh tế thế giới.

Việc nhận thức từ phân chia các thành phần kinh tế thành hai loại hình: kinh tế XHCN và phi XHCN (trước đổi mới) đến thừa nhận đa hình thức sở hữu

với nền kinh tế nhiều thành phần (trong đổi mới); cả các thành phần kinh tế là những bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng XHCN và đều bình đẳng trước pháp luật. Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới khẳng định bước tiến quan trọng trong quá trình nhận thức về vai trò của sở hữu và các thành phần kinh tế qua những đóng góp đối với phát triển kinh tế của nền kinh tế quốc dân.

Căn cứ vào đặc điểm của thời kỳ quá độ (TKQĐ) lên CNXH ở nước ta, khi lực lượng sản xuất phát triển chưa cao, tất yếu sẽ tồn tại nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất (loại hình sở hữu công cộng có các hình thức sở hữu: toàn dân, nhà nước, tập thể; loại hình sở hữu tư nhân có các hình thức sở hữu: cá thể, tiểu chủ, tư nhân; sở hữu hỗn hợp). Sự phát triển đa dạng của các hình thức sở hữu là do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trình độ lực lượng sản xuất ngày càng được xã hội hóa cao, quan hệ sản xuất càng mở rộng thì tính đa dạng trong quan hệ sở hữu càng tăng.

Chính nhờ đổi mới tư duy kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường đã giải phóng và huy động có hiệu quả các nguồn lực sản xuất trong và ngoài nước; từng bước chủ động, tích cực hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới là những kết quả nổi bật của tư duy kinh tế trong sự nghiệp đổi mới phát triển đất nước.

* *Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

* Học viện Chính trị khu vực III

Mô hình kinh tế tổng quát trong TKQĐ đi lên CNXH ở Việt Nam được Đại hội IX (tháng 4 - 2001) của Đảng xác định là KTTT định hướng XHCN, đó là mô hình kinh tế được Đảng ta vận dụng sáng tạo những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm từ thực tiễn phát triển KTTT hiện đại của các nước trên thế giới.

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4 - 2006) chỉ rõ: trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và “các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiêu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”¹. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn 25 năm đổi mới, Đại hội XI (tháng 1 - 2011) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh về lý luận là: “Phát triển nền KTTT định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”². Và khẳng định: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển”³. Đại hội XII trong điều kiện tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc gắn với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Đảng ta chỉ ra những nội hàm cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là “nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”⁴.

“Nền KTTT định hướng XHCN Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành

phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển. là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường. Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”⁵. Định hướng XHCN của nền kinh tế được nhất quán xác lập và tăng cường thông qua sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của nhà nước pháp quyền XHCN, lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người; phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Thực tiễn qua hơn 30 năm đổi mới đã khẳng định đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong phát triển kinh tế, đã chứng minh và khẳng định sự đúng đắn, khoa học, hiệu quả của việc sử dụng KTTT định hướng XHCN làm “phương tiện” và “mục đích” để xây dựng CNXH ở Việt Nam trên cả phương diện lý luận và thực chứng. Những thành tựu này tạo tiền đề, điều kiện, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục công cuộc đổi mới và phát triển trong thời gian tới; càng khẳng định quan điểm phát triển nền KTTT định hướng XHCN của Đảng ta là khoa học, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thế giới.

** Đổi mới mô hình tăng trưởng và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*

Trước đổi mới, công nghiệp hóa được thực hiện theo mô hình ưu tiên phát triển công nghiệp nặng đồng hành với cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp. Từ năm 1986 đến nay là thời kỳ thực hiện đổi mới toàn diện và đồng bộ cả về tư duy, quan điểm đường lối và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Năm 1994, tại Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa

VII của Đảng đã đề ra đường lối đầy tới một bước CNH, HĐH. Năm 1996, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng tiếp tục xác định đường lối đầy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Từ sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, đường lối đầy mạnh CNH, HĐH được gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đại hội X xác định: “Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và CNH, HĐH. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, trong từng dự án kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ”⁶. Nghiên cứu và tổng kết thực tiễn phát triển nền KTTT định hướng XHCN, Đại hội XI của Đảng đưa ra chủ trương: “Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức”⁷ và yêu cầu “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng...”⁸. Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế tại Đại hội XII của Đảng là: “Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững”⁹. “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi

mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng; cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn với phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”¹⁰.

Sau hơn 30 năm đổi mới, lý luận về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, từng bước gắn với sắp xếp lại bộ máy hành chính các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương đã đem lại bước phát triển mới thể hiện trên những nội dung sau:

Một là, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thành tố “đổi mới mô hình tăng trưởng” và “cơ cấu lại nền kinh tế” đã được nhận thức toàn diện và biện chứng hơn. Thành tố cơ cấu lại nền kinh tế đứng trước thành tố đổi mới mô hình tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế là một nội dung kinh tế cốt lõi của phát triển kinh tế, chỉ số quan trọng phản ánh trình độ phát triển kinh tế của mỗi quốc gia trong một thời kỳ nhất định. Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, trong đó cơ cấu kinh tế là yếu tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định nhất. Do đó, muốn tăng trưởng kinh tế, trước hết phải trên cơ sở “cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế”, nhất là cơ cấu lại “các ngành, các lĩnh vực” kinh tế quan trọng. Vì vậy, *cơ cấu lại nền kinh tế* đứng trước *đổi mới mô hình tăng trưởng* không những khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của cơ cấu kinh tế đối với phát triển kinh tế, mà còn phản ánh sự phát triển nhận thức, sáng tạo lý luận của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế.

Mối quan hệ giữa cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng là mối quan hệ biện chứng, tạo tiền đề, điều kiện cho nhau. Muốn đổi mới mô hình tăng trưởng, phải thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, muốn cơ cấu lại nền kinh tế đúng hướng và đạt hiệu quả, phải gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN mà trọng tâm là cải cách hành chính.

Hai là, đổi mới mô hình tăng trưởng là yêu cầu bắt buộc, thực tiễn cho thấy, những mâu thuẫn, bất cập, thể hiện tập trung nhất ở cơ cấu kinh tế không hợp lý, mô hình tăng trưởng không phù hợp, đã trở thành lực cản khiến cho sự phát triển của nền kinh tế trở nên kém hiệu quả, không bền vững. “Cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng chiều sâu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh”¹¹. Tuy nhiên, do nhận thức, nhất là nhận thức về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế chưa đầy đủ nên “mô hình tăng trưởng chưa chuyển đổi kịp theo yêu cầu phát triển, còn phụ thuộc nhiều vào vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp”¹². Theo đó, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước”¹³. Đó là mô hình tăng trưởng không những bảo đảm sự hài hòa, hợp lý, hiệu quả hơn giữa phát triển chiều rộng với phát triển chiều sâu, mà còn chi rõ phát triển chiều sâu sẽ được chú trọng hơn trong thời gian tới.

2. Kết quả và hạn chế phát triển kinh tế trong quá trình đổi mới

Trong giai đoạn 2001 - 2010, Việt Nam đã duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, trên 7%/năm; trong 10 năm 2006 - 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy giảm xuống do ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới, nhưng vẫn đạt bình quân 6,12%/năm, năm 2017 tăng 6,81% so với năm 2016 là mức khá cao trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều khó khăn, bất ổn. Quy mô GDP và GDP bình quân đầu người đều tăng; năm 2015, GDP của Việt Nam đạt khoảng 200 tỷ USD, gấp 3,95 lần so với năm 2006 (tính theo giá hiện hành), năm 2017 đạt gần 230 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 2.109 USD/người/năm, gấp hơn 3 lần so với năm 2006, năm 2017 đạt 2.385 USD/người/năm tăng 170 USD so với năm 2016. Cơ cấu kinh tế có những bước tiến tích cực theo hướng CNH, HĐH, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GDP ngày càng tăng, khu vực nông nghiệp trong cơ cấu GDP ngày càng giảm, năm 2016 khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng 16,32%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 32,72%; khu vực dịch vụ chiếm 40,92%; cơ cấu tương ứng của năm 2017 là:

15,34%; 33,34%; 41,32%. Mô hình tăng trưởng kinh tế bước đầu có chuyển biến từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu. Chất lượng tăng trưởng kinh tế được nâng lên.

Trong giai đoạn 2006 - 2015, năng suất lao động tăng bình quân 3,9%/năm (trong đó riêng giai đoạn 2011 - 2015 tăng 4,3%/năm); năm 2017 tăng 6% so với năm 2016, bình quân giai đoạn 2011 - 2017 tăng 4,7%/năm. Vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả hơn, đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đã tăng lên 28,94% (giai đoạn 2011 - 2015). Năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam được cải thiện. Theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) về chỉ số năng lực cạnh tranh tổng hợp, vị trí của Việt Nam được cải thiện trong những năm gần đây, đặc biệt năm 2017 tăng 5 bậc so với năm 2016, xếp hạng 55/138 nền kinh tế. Năm 2017, Ngân hàng Thế giới (WB) xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 31 bậc so với năm 2014 lên 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển kinh tế ở nước ta vẫn có những hạn chế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định, có xu hướng chậm lại, giai đoạn 2001 - 2005: trên 7%; 2006 - 2010: 6,32%; 2011 - 2015: 5,91%; năm 2016: 6,21%; năm 2017 tăng 6,81%. Quy mô GDP và GDP bình quân đầu người của Việt Nam thấp so với nhiều nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu vẫn theo chiều rộng, giai đoạn 2011 - 2015, vốn vẫn đóng góp 66,73% vào tăng trưởng GDP¹⁴; việc sử dụng tài nguyên còn lãng phí, kém hiệu quả. Chất lượng tăng trưởng còn thấp, cải thiện còn chậm; năng suất lao động thấp so với nhiều nước trong khu vực ASEAN. Hiệu quả đầu tư thấp, hệ số sử dụng vốn (ICOR) cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực (trong đó đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước là thấp nhất). Năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp chưa được cải thiện nhiều. Kinh tế vĩ mô còn bất ổn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ về nợ xấu, nợ công, mất cân đối thu chi ngân sách; đe dọa về an ninh nguồn nước, về biến đổi khí hậu,...

Sau hơn 30 năm đổi mới, phát triển kinh tế đất nước đã đạt được nhiều kết quả tích cực; tuy nhiên, kết quả đó chưa tương xứng với tiềm năng của đất

nước. Những hạn chế trong phát triển kinh tế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế chưa được quán triệt một cách sâu sắc; nhận thức về nội dung phát triển kinh tế ở một số ngành, địa phương, một bộ phận nhân dân chưa đầy đủ; một số cấp ủy chỉ đạo thực hiện chưa thật hiệu lực, hiệu quả.

Hai là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN chậm. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thật sự thông thoáng, minh bạch, ổn định, bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Việc thực thi pháp luật chưa đồng bộ và còn nhiều yếu kém.

Ba là, chất lượng nhiều chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương còn thấp. Việc cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng thực hiện chậm. Nhiều thị trường phát triển chậm, vận hành chưa thông suốt, đồng bộ. Trình độ phát triển khoa học và công nghệ; chất lượng giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực thấp, chuyên môn chậm.

3. Đảng tiếp tục đổi mới để phát triển kinh tế trong thời gian tới

Để sự lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế đất nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đồng thời khắc phục khó khăn, hạn chế trong thời gian tới cần tiếp tục tập trung đổi mới theo hướng sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy về kinh tế, xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển; đề ra chủ trương, đường lối phát triển kinh tế đúng đắn và lãnh đạo thực hiện thành công đường lối, chủ trương đó. Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng không ngừng đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, phát huy mọi nguồn lực... Để quyết định chủ trương, đường lối, chính sách về phát triển kinh tế một cách đúng đắn, Đảng cần tiếp tục phát huy dân chủ trong toàn xã hội, xuất phát từ lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy trí tuệ của toàn dân, tôn trọng các quy luật khách quan, trên cơ sở thực tiễn. Đảng lãnh đạo xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh; chuyển từ tư duy *nhà nước điều hành sang nhà nước kiến tạo phát triển*; phối hợp hoạt động và bảo đảm sự vận hành bộ máy nhà nước thông suốt. Xác

định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện thể chế, hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách cho phát triển kinh tế, nhất là hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, hội nhập quốc tế; đồng thời với nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả thực hiện thể chế, luật pháp, chính sách trong thực tiễn. Đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đề cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thật sự là nguồn lực quan trọng nhất, là động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước.

Thứ ba, tăng cường kiểm tra, giám sát hiệu lực hơn nữa trong thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về phát triển kinh tế. Thông qua công tác này, Đảng nắm vững tình hình mọi mặt của các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên chấp hành quan điểm, đường lối của Đảng, đề ra giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp; kiểm chứng tính đúng đắn, khoa học của các chủ trương, đường lối, chính sách về phát triển kinh tế; lãnh đạo việc tổ chức, thực hiện và điều chỉnh nếu cần thiết.

Thứ tư, chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, nhất là những mô hình mới, kinh nghiệm hay; đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển lý luận gắn với cuộc Cách mạng 4.0; dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam góp phần xây dựng và hoàn thiện chủ trương, đường lối, kế hoạch phát triển kinh tế trước mắt cũng như lâu dài. Qua hơn 30 năm đổi mới cho thấy, Đảng thường xuyên tổng kết thực tiễn, vận dụng sáng tạo và phát triển hệ thống lý luận trên lĩnh vực kinh tế. Đảng lãnh đạo toàn diện đất nước, nhưng những chủ trương lớn, quan trọng cần phải qua thí điểm, tổng kết thành bài học kinh nghiệm có tính lý luận để triển khai, chỉ đạo trên diện rộng. Lý luận phải xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn; nghiên cứu lý luận cần tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Coi trọng vận dụng sáng tạo lý luận, nhận thức đúng các quy luật kinh tế khách quan, nâng cao năng lực dự báo và tầm nhìn dài hạn về phát triển kinh tế đất nước.

Qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước có nhiều cơ hội để phát triển nhưng cũng gặp không ít khó khăn thách thức, song công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện. Đường lối đổi mới của Đảng nói chung và nhất là chủ trương, đường lối phát triển kinh tế nói riêng không ngừng được hoàn thiện, bổ sung và phát triển.

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 27 - 28.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 73.
3. Sđd, 2016, tr. 73 - 74.
4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG - Sự thật, H, 2016, tr. 102.
5. Sđd, tr. 102 - 103.
6. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb CTQG, H, 2006, tr. 87 - 88.
- 7, 8. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG - ST, H, 2011, tr. 98, 107.
- 9, 10. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG - ST, H, 2016, tr. 87, 88, 89.
11. Sđd, tr. 231.
12. Sđd, tr. 252.
13. Sđd, tr. 87.

14. Võ Văn Thương: *Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước phát triển nhanh, bền vững*, Tạp chí Cộng sản, số 899 (9 - 2017); *Tổng quan kinh tế - xã hội cả nước năm 2017*, Tạp chí Con số và Sự kiện, số 12/2017.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, H, 2006.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG - ST, H, 2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG - ST, H, 2016.
4. Văn kiện Đảng về phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới, Nxb CTQG, H, 2009.
5. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Đảng Cộng sản lãnh đạo quá trình đổi mới tại Việt Nam cập nhật hóa mô hình phát triển kinh tế - xã hội tại Cuba, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb CTQG - ST, H, 2013.
6. GS.TSKH Lương Xuân Quỳ (Chủ biên): *Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb CTQG - ST, H, 2015.
7. Tạp chí Cộng sản, số 882, 889, 899.
8. Tạp chí Con số và Sự kiện, số 12/2017.